**THUYẾT MINH**

**Xây dựng** **Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy**

**và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ**

**người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý**

**sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Kèm theo Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

**Phần thứ nhất**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

2. Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

3. Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021.

4. Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

5. Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

**\* Thẩm quyền quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn:**

**(1)** - Căn cứ Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP:

“*1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.*

*2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau:*

*a) Thương binh; b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Người thuộc hộ nghèo; d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; đ) Trẻ em mồ côi; e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.*

***3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*** *căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:*

*a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này;*

*b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện”.*

**(2)** - Căn cứ Điều 65Nghị định số 116/2021/NĐ-CP:

*“1. Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.*

*2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.*

*3. Các định mức quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương,* ***Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức*** *cho phù hợp.”*

Điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định:

*“Người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp tiền ăn khi đi đường, tiền tàu xe và 01 (một) bộ quần áo thường (nếu họ không có) theo quy định tại**khoản 4 Điều 62 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP; cụ thể:*

*- Tiền ăn: mức hỗ trợ 70.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày;*

*- Tiền tàu xe: mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông;*

*- Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông;*

*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân******cùng cấp*** *xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần áo cho đối tượng; hỗ trợ mức cao hơn mức tiền ăn và tiền tàu xe quy định tại điểm này;”*

**(3) -** Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP:

*“4. Chế độ hỗ trợ:*

*a) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao tối đa là 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành.*

*b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại**Điều 22, 23 và**Điều 24 của Nghị định này thì được nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện, mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành.*

*5. Nội dung chi, mức chi quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”*

Khoản 2, khoản 3, Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định:

*“2. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp*** *xem xét quyết định mức thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, tối đa không quá 0,6 (không phẩy sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành theo quy định tại**điểm a Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.*

*3. Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại**Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp*** *xem xét quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức lương cơ sở hiện hành.”*

Từ những quy định nêu trên, việc quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**II. CƠ SỞ THỰC TIỄN XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17/07/2019 quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sau khi Luật Phòng, chống ma túy được ban hành ngày 30/3/2021 (có hiệu lực thi thành kể từ ngày 01/01/2022) và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan (Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022) có hiệu lực thì Thông tư số 117/2017/TT-BTC và Thông tư số 124/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành. Do đó, căn cứ ban hành Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh không còn hiệu lực pháp lý. Bên cạnh đó, một số nội dung của Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND không còn phù hợp với thực tiễn và các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

- Về đối tượng hỗ trợ: Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND chưa quy định hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy thuộc hộ cận nghèo; người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma tuý.

- Về mức hỗ trợ:

+ Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND quy định hỗ trợ 70.000 đồng/lần cai nghiện tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao; 80.000 đồng/tháng tiền điện, nước, vệ sinh khi tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện cho các đối tượng Thương binh, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện, nội dung này không còn phù hợp với quy định của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.

+ Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND chưa quy định về định mứcchế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền quần áo chongười cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú; chi hỗ trợ phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; chi hỗ trợ cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma tuý theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Đồng thời, tình hình người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh vẫn diễn biến rất phức tạp. Theo số liệu báo cáo của các địa phương, tính đến thời điểm cuối năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh có 990 người nghiện có hồ sơ quản lý. Hoàn cảnh gia đình của người nghiện ma túy nói chung còn nhiều khó khăn, người nghiện không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh,... Để khuyến khích người nghiện ma túy tham gia cai nghiện tự nguyện, từ đó tăng tỷ lệ số người nghiện ma túy được tham gia điều trị, cai nghiện, từng bước giảm dần người nghiện, góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội, phòng ngừa các bệnh lây nhiễm, bệnh xã hội; đồng thời phát huy tính chủ động, tích cực của bản thân người nghiện vào quá trình cai nghiện, từng bước nâng cao chất lượng hiệu quả công tác này trên địa bàn tỉnh thì việc ban hành văn bản quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**Phần thứ hai**

**MỨC CHI HỖ TRỢ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY VÀ NGƯỜI ĐƯỢC**

**GIAO NHIỆM VỤ TƯ VẤN TÂM LÝ, XÃ HỘI, QUẢN LÝ, HỖ TRỢ**

**ĐỐI TƯỢNG CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG,**

**ĐỐI TƯỢNG BỊ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ**

1. Đối tượng

- Cơ sở cai nghiện ma túy công lập sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện việc cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc.

- Người nghiện ma tuý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy.

- Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma tuý theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được chi hỗ trợ 01 lần, thời gian hỗ trợ là 6 tháng.

Cơ sở đề xuất:

- Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đã quy định nguyên tắc hỗ trợ “Người cai nghiện ma túy tự nguyện được hưởng hỗ trợ phải có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Người cai nghiện tự nguyện được hỗ trợ 01 lần, thời gian hỗ trợ là 06 tháng”. Cơ quan soạn thảo đề xuất dự thảo kế thừa nguyên tắc hỗ trợ được quy định Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND tại dự thảo Nghị quyết lần này.

- Khoản 1, 2 Điều 31 Luật phòng chống ma túy năm 2021 quy định “Thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là từ đủ 6 tháng đến 12 tháng; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 29 của Luật này được hỗ trợ kinh phí”. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-CSCNMT ngày 10/3/2022 về quy trình cai nghiện ma túy, theo đó quy định quy trình cai nghiện ma túy với 05 giai đoạn, cụ thể: (a) giai đoạn tiếp nhận phân loại, (b) giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác, (c) giai đoạn giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách, (d) giai đoạn trị liệu, học nghề, (đ) giai đoạn tái hòa nhập cộng đồng.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 29/2022/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động - TB&XH quy định quy mô tiếp nhận người cai nghiện ma túy của cơ sở, đảm bảo nguyên tắc 01 người quản lý, tư vấn, giáo dục, điều trị, dạy nghề cho tối đa 07 người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy. Theo đó, Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn sử dụng 17 biên chế thuộc định mức quản lý tối đa cho 119 người cai nghiện. Tuy nhiên, đơn vị thường xuyên quản lý và chữa trị cho từ 150-160 người cai nghiện, vượt quá định mức biên chế được giao từ 31-41 người cai nghiện. Trong khi, thực tế số người nghiện ma túy và nhu cầu cai nghiện tự nguyện của người nghiện ma túy tại cộng đồng còn lớn hơn, vượt quá khả năng tiếp nhận của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn hiện nay chưa đáp ứng theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định về điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Vì vậy, để thực hiện tốt công tác cai nghiện ma túy, đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương, phù hợp với quy mô tiếp nhận cai nghiện của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn, đề nghị xây dựng nghị quyết quy định hỗ trợ 01 lần, thời gian hỗ trợ là 06 tháng để tạo cơ hội cho nhiều người nghiện ma túy được hỗ trợ và điều trị, đồng thời quy định đối tượng cai nghiện ma túy phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn mới được hưởng chính sách hỗ trợ cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn.

b) Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được chi hỗ trợ 01 lần.

c) Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ theo lần chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**II. MỨC CHI ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC**

**1. Về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân**

Tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định: “Các định mức tại Khoản 1 Khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp”.

Cơ quan soạn thảo đề xuất thực hiện định mức tối thiểu theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, lý do: với mức lương cơ sở hiện hành là 1.800.000đ/tháng, chế độ ăn của học viên là 48.000đ/ngày (0,8\*1.800.000đ/30 ngày), cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu của người cai nghiện (ngoài tiền ngân sách cấp, chế độ ăn của học viên cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy còn được bổ sung từ nguồn lao động, tăng gia sản xuất tại cơ sở cai nghiện); chế độ mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân là 1.620.000đ/năm (0,9 x 1.800.000đ) đảm bảo nhu cầu của người cai nghiện.

**2.** Người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương nơi cư trú được cấp 01 ngày tiền ăn đi đường, với số tiền là 80.000 đồng/người; Tiền tàu xe: mức chi hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Tại điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định: *“Tiền ăn: mức hỗ trợ 70.000đ/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày”*. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và khoảng cách từ Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn đến các huyện trên địa bàn tỉnh (việc di chuyển không quá 01 ngày), cơ quan soạn thảo đề xuất hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định trở về địa phương được cấp 01 ngày tiền ăn đi đường, với số tiền là 80.000đ/người/ngày.

**3.** Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông (nếu họ không có) cho người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú. Mức hỗ trợ tối đa: 350.000, đồng/bộ.

Tại điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định: “*Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa để cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện mua sắm và cấp quần áo cho đối tượng”.*

Trên cơ sở tham khảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện của một số tỉnh như: Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trong việc hỗ trợ tiền quần áo cho người cai nghiện bắt buộc khi trở về địa phương và qua khảo sát thực tế trên thị trường bán lẻ tại các cửa hàng bán quần áo tại Chợ Bắc Kạn, Chợ Đức Xuân (TP Bắc Kạn): Loại tốt: 500.000,đồng/bộ; Loại trung bình: 350.000,đồng/bộ; Loại thấp: 300.000,đồng/bộ). Đề xuất mức chi hỗ trợ tối đa số tiền 350.000,đồng/bộ/người cho người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú.

**III. MỨC CHI HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP CỦA TỈNH VÀ TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG**

**1. Đề xuất mở rộng đối tượng “người thuộc hộ cận nghèo”** được hưởng hỗ trợ khi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh như các đối tượng quy định tại Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Lý do: Theo báo cáo rà soát người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, số người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý trên địa bàn tỉnh là 990 người, trong đó người nghiện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo 370 người (Tỷ lệ người nghiện thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm 37,4% tổng số người nghiện có hồ sơ quản lý). Trên thực tế, hoàn cảnh gia đình của người nghiện ma túy thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo không có sự khác biệt lớn nên việc đề xuất xây dựng nghị quyết mở rộng thêm đối tượng hỗ trợ là người thuộc hộ cận nghèo khi tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**2. Đề xuất mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện**

**a) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường** đối với các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; **Hỗ trợ 100% tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân** cho: *Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện*.

Cơ sở đề xuất: Theo thống kê hàng năm, trung bình số học viên cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn khoảng 25 học viên/năm *(trong đó không có đối tượng cai nghiện tự nguyện lần thứ 2, thứ 3 trong cùng một năm)*, gồm: 10 học viên thuộc đối tượng: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; 15 học viên còn lại thuộc các đối tượng khác.

Dự kiến kinh phí hỗ trợ cho 25 học viên/một lần cai nghiện (thời gian tối đa 6 tháng) là **233.312.500,đ**. Nguồn kinh phí dự kiến nêu trên không ảnh hưởng lớn đến ngân sách của tỉnh; đồng thời để thể hiện tính nhân văn trong thực hiện chính sách cai nghiện ma túy của tỉnh, UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ 100%chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện; hỗ trợ 100% tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh.

*(Mức hỗ trợ nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/20321/NĐ-CP là: “Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau: a) Thương binh; b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Người thuộc hộ nghèo; d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; đ) Trẻ em mồ côi; e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng”.* Và tạiđiểm b khoản 3 Điều 39 Nghị định số 116/20321/NĐ-CP là: *“Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”).*

**b. Hỗ trợ 75% tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho các đối tượng còn lại trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện**

Ngoài các đối tượng: *Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng trong thời gian cai nghiện tự nguyện,* thì tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định “*Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý, UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể,* ***ít nhất bằng 70%*** *mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của địa phương”.*

Đểgiảm bớt khó khăn, chia sẻ gắng nặng tài chính cho người tham gia cai nghiện và gia đình người nghiện; giúp người nghiện yên tâm điều trị trong quá trình cai nghiện tại cơ sở; giảm số người nghiện ma túy ngoài cộng đồng, UBND tỉnh đề xuất xây dựng Nghị quyết tăng mức hỗ trợ **thêm 5%**; từ **70% lên mức hỗ trợ 75%** cho các đối tượng còn lại tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện. Mức hỗ trợ nêu trên phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đồng thời để thể hiện tính nhân văn trong thực hiện chính sách cai nghiện ma túy của tỉnh.

**3. Nhà nước hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh.**

**4.** **Chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: mức hỗ trợ bằng mức lương cơ sở hiện hành**

Tại điểm b, khoản 4, Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định: “*Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng sau khi đã hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định này thì được nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện, mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành*”; khoản 3, Điều 6, Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định: chi hỗ trợ tối thiểu bằng một lần mức lương cơ sở.

Căn cứ vào tình hình địa phương, cơ quan soạn thảo đề xuất mức chi bằng mức lương cơ sở hiện hành.

**5. Định mức các khoản chi phí để tính chi hỗ trợ trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh**

**5.1.** Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần; chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường chi theo chi phí thực tế và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**5.2.** Các định mức để tính chi hỗ trợ và đóng góp trong thời gian cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện theo Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy quy định về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân:

- Tiền ăn hàng tháng: Định mức là 0,8 mức lương cơ sở. Ngày lễ, tết dương lịch tăng thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên Đán tăng thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; trường hợp học viên bị ốm thì thực hiện theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện nữ) của người cai nghiện nữ 06 tháng bằng 0,45 mức lương cơ sở hiện hành.

**IV. CHI THÙ LAO CHO NGƯỜI ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TƯ VẤN TÂM LÝ, XÃ HỘI, QUẢN LÝ, HỖ TRỢ ĐỐI TƯỢNG CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG, ĐỐI TƯỢNG BỊ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN THEO PHÂN CÔNG CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ**

Tại điểm a, khoản 4, Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định: *“Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao tối đa là 0,6 (không phẩy sau) lần mức lương cơ sở hiện hành”*; khoản 2, Điều 6, Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định: chi tối đa 0,6 (không phẩy sau) lần mức lương cơ sở hiện hành, cơ quan soạn thảo đề xuất trình mức chi là 0,3 (không phẩy ba) mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng (tương đương 540.000đ/người/tháng).

Lý do:

- Tham khảo mức hỗ trợ tại một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã ban hành, cụ thể: Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, theo đó mức bồi dưỡng đối với nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố, tổ nhân dân, tiểu khu thuộc các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn: **bằng 0,3 mức lương cơ sở/người/tháng**; Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 01/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, theo đó người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được hưởng mức hỗ trợ là **500.000đ/người/tháng**.

- Tham khảo Nghị quyết của một số tỉnh lân cận (tỉnh Cao Bằng quy định mức thù lao 0,2; tỉnh Lạng Sơn quy định mức thù lao 0,6).

- Căn cứ điều kiện thực tế của tỉnh và dự báo số người nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, số người quản lý sau cai nghiện trên địa bàn tỉnh.

Sau khi Nghị quyết được thông qua, cơ quan soạn thảo sẽ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hướng dẫn cụ thể về định mức, thời gian được giao nhiệm vụ cho người tư vấn, hỗ trợ quản lý người sau cai nghiện ma tuý.

**Phần thứ ba**

**DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

**I. ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC** *(dự kiến số lượng: 80 người/năm, theo chỉ tiêu UBND giao hàng năm)****:*****1.693.380.000đ**

**1.** Về chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân: **1.654.080.000đ** *(Bằng chữ: Một triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn không trăm tám mươi nghìn đồng),* trong đó:

- Tiền ăn: **1.524.480.000đ,** trong đó:

+ Vào ngày thường: 354 ngày x 48.000đ x 80 người = 1.359.360.000

+ Ngày lễ: 6 ngày x (48.000đ x 3) x 80 người = 69.120.000đ

+ Ngày tết Nguyên đán: 5 ngày x (48.000đ x 5) x 80 người = 96.000.000

- Chế độ mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 1.800.000đ x 0.9 x 80= **129.600.000đ/năm** *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng).*

**2.** Tiền ăn đi đường, tiền tàu xe: **11.300.000đ** *(Bằng chữ: Mười một triệu, ba trăm nghìn đồng),* trong đó:

- Tiền ăn: 80.000đ/ngày/người x 80 người = 6.400.000đ/năm.

- Tiền xe: 70.000đ/người x70 người = 4.900.000đ/năm.

*(Chỉ hỗ trợ cho các đối tượng ở các huyện trong tỉnh (dự kiến 70 người), các đối tượng còn lại ở thành phố không hỗ trợ; mức hỗ trợ tính theo giá cước xe từ thành phố Bắc Kạn đến huyện Pác Nặm).*

**3.** Cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông: **28.000.000đ** *(Bằng chữ: Hai mươi tám triệu đồng).*

80 người x 350.000,đồng/bộ = 28.000.000,đồng*.*

**II. ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP TỈNH VÀ TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG: 287.312.500đ** *(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).*

**1. Số kinh phí hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiên ma túy công lập: 233.312.5000đ**

Cơ sở đề xuất: Với số lượng học viên cai nghiện tự nguyện trung bình tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bắc Kạn là 25 học viên/năm, trong đó: 10 học viên thuộc đối tượng: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; 15 học viên còn lại thuộc đối tượng khác; thời gian cai nghiện tối đa 06 tháng/01 lần; mức kinh phí hỗ trợ cụ thể như sau:

\* Dự trù chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường: ***1.300.000,đồng/người/lần cai nghiện*.** ***Chi phí cai nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường*** cho đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh. Bao gồm các mục chi phí như sau:

***- Chi phí cai nghiện bao gồm các khoản chi:*** Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy; chi xét nghiệm tình trạng nghiện ma túy; Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

***- Chi phí thuốc chữa bệnh thông thường:*** Chi thuốc chữa bệnh thông thường, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch bệnh cho người cai nghiện.

**1.1.** Kinh phí chi hỗ trợ cai nghiện tự nguyện cho các đối tượng: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; bao gồm các khoản chi, cụ thể như sau:

- Chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường: 1.300.000, đồng/người/lần cai nghiện.

- Tiền ăn: 1.800.000 x 0,8 x 6 tháng = 8.640.000,đồng.

- Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 1.800.000 x 0,45 = 810.000,đồng.

\* Tổng kinh phí chi hỗ trợ cai nghiện tự nguyện/học viên là: 10.750.000 đồng.

Dự kiến một năm Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh có 10 học viên thuộc đối tượng trên vào cai nghiện tự nguyện. Tương đương tổng kinh phí hỗ trợ là: 10 học viên x 10.750.000,đ = **107.500.000, đồng** *(Bằng chữ: Một trăm linh bảy nghìn, năm trăm nghìn đồng).*

**1.2.** Kinh phí chi hỗ trợ và các khoản đóng góp cho các đối tượng còn lại tham gia cai nghiện tự nguyện *(Ngoài các đối tượng Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng)*, gồm các khoản chi phí hỗ trợ, cụ thể như sau:

- Chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường: 1.300.000, đồng/người/lần cai nghiện.

- Tiền ăn: 1.800.000 x 75% x 0,8 x 6 tháng = 6.480.000, đồng.

- Tiền quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân: 1.800.000 x 0,45 x 75% = 607.500, đồng.

Tổng chi phí chi hỗ trợ cai nghiện tự nguyện/học viên: 8.387.500, đồng

*(Bằng chữ: Tám triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)*

Dự kiến một năm Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh có 15 học viên thuộc các đối tượng còn lại *(Ngoài các đối tượng Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng)* vào cai nghiện tự nguyện. Tương đương tổng kinh phí hỗ trợ là: 15 học viên x 8.387.500, đồng = **125.812.500, đồng** *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).*

**2. Kinh phí hỗ trợ người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng: 54.000.000đ**

Căn cứ vào tình hình người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý tại các địa phương và nhu cầu cai nghiện tự nguyện của người nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, dự kiến một năm có khoảng 30 người đăng ký cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Số kinh phí dự kiến: 30 người x 1.800.000đ = 54.000.000đ *(Bằng chữ: Năm mươi tư triệu đồng).*

**III. ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TƯ VẤN TÂM LÝ, XÃ HỘI, QUẢN LÝ, HỖ TRỢ ĐỐI TƯỢNG CAI NGHIỆN TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG, ĐỐI TƯỢNG BỊ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN THEO PHÂN CÔNG CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ: 699.840.000đ**

Toàn tỉnh có 108 xã, phường, thị trấn, số người dự kiến thực hiện quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện trên địa bàn tỉnh là 108 người (mỗi xã, phường, thị trấn 01 người).

Cơ quan soạn thảo đề xuất mức chi là 0,3 (không phẩy ba) mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng tương đương 540.000đ/người/tháng.

Số kinh phí dự kiến chi trả trong 01 năm: 108 người x 540.000đ x 12 tháng = **699.840.000đ** *(Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

**IV. TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN**

Tổng kinh phídự kiếnđảm bảo thi hành Nghị quyết/năm sau khi dự thảo được thông qua là: **2.679.732.500đ** *(Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng),*tăng so với kinh phí được cấp để thực hiện công tác cai nghiện ma túy năm 2023 trên địa bàn tỉnh là: **519.732.500 đ** *(Bằng chữ: Năm trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).[[1]](#footnote-1)

*(Sở Tài chính đã có Văn bản số 1948/STC-HCSN ngày 31/8/2023 về việc góp ý hồ sơ dự thảo và nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đó khẳng định “Tổng kinh phí dự kiến hàng năm ngân sách địa phương phải đảm bảo để thực hiện chính sách trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết là khoảng* ***trên 2.679 triệu đồng****, so với mức kinh phí ngân sách địa phương bố trí năm 2023 cho công tác cai nghiện ma túy, số kinh phí tăng thêm khoảng 519 triệu đồng (2.679 triệu đồng - 2.160 triệu đồng), với mức kinh phí tăng thêm trong một năm ngân sách như trên ngân sách địa phương có khả năng cân đối bố trí để thực hiện”./.*

1. 1 Kinh phí cấp cho công tác cai nghiện ma túy tại Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 là 2.160.000.000 đ *(Hai tỉ, một trăm sáu mươi triệu đồng)*. [↑](#footnote-ref-1)